

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 32 /2013/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 30 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về mức thu, chế độ thu, nộp, phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh An Giang

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 73.89.....
	Ngày: 29.19.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí ;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về mức thu, chế độ thu, nộp phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 482/TTr-STC, ngày 21 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng điều chỉnh:

Là hộ gia đình, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Phạm vi áp dụng:

Việc thu phí được áp dụng tại những địa phương có tổ chức hoạt động thu gom và xử lý rác thải.

Điều 2. Mức thu, chế độ thu nộp

1. Mức thu:

a) Phí vệ sinh được thực hiện theo khung mức thu phí trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

Stt	Đối tượng thu	Mức thu
1	Hộ gia đình: - Thuộc phường, thị trấn. - Thuộc xã.	20.000đồng/hộ/tháng 15.000đồng/hộ/tháng
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm nhà Văn hóa, Trung tâm TDTT, Trung tâm Y tế); Văn phòng các Công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp; các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, bè cá.	100.000đồng/đơn vị/tháng
3	Trường học, nhà trẻ trong thời gian thực học.	
4	Cửa hàng, Nhà hàng, Khách sạn, nhà trọ.	
5	Nhà máy, Bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, bến tàu, bến xe.	160.000đồng/m ³ rác
6	Vựa cá, vựa trái cây.	
7	Các công trình xây dựng.	

b) Riêng trường học, nhà trẻ trong thời gian nghỉ hè không phải thu phí.

2. Chế độ thu, nộp:

a) Phí vệ sinh nêu trên là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Khoản thu này ngân sách huyện (bao gồm cấp huyện, cấp xã) được giữ toàn bộ để bù đắp chi phí cho công tác tổ chức thu phí, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện thu phí vệ sinh theo mức thu quy định tại bảng khung mức thu phí nêu trên. Toàn bộ số tiền phí thu được nộp vào ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 554/2003/QĐ.UB, ngày 18 tháng 4 năm 2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành về mức thu phí vệ sinh.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Website An Giang;
- Báo AG, Đài PTTH AG;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: HCTC, P.TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



[Signature]

Vương Bình Thạnh